TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10-9-2019
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Huy

- *Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Nguyễn Quang Vinh
2. Ông Nguyễn Đại Hải

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thúy Nga là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa** tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 299/2018/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2018, về: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Tiến P, sinh năm: 1975
Nơi cư trú: Tổ dân phố Hòa Do 5B, phường Cam Phúc Bắc, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1979
Nơi cư trú: Tổ dân phố Hòa Do 5B, phường Cam Phúc Bắc, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2018, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Đặng Tiến P trình bày: Ông và bà T có thời gian tìm hiểu nhau hơn 4 năm và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Cam Phúc Bắc, thị xã C (nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 56, quyển số 01/2001, cấp ngày 26/4/2001.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2009 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do

vợ chồng không hợp tính tình và kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng kình cãi và ly thân từ năm 2009 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Ông và bà T có 03 con chung là các cháu:

- Đặng Tiến V, sinh ngày: 27/3/2001;
- Đặng Thị Kiều L, sinh ngày: 30/12/2001;
- Đặng Tiến L, sinh ngày: 14/02/2009.

Hiện nay các con đang sống chung với bà T. Cháu Đặng Tiến V đã đủ 18 tuổi nên ông không yêu cầu. Riêng cháu Đặng Thị Kiều L và cháu Đặng Tiến L, ông P yêu cầu giao cả hai cháu cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa để tham gia hòa giải và xét xử là vi phạm quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, Điều 72 BLTTDS, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P. Về con chung: Giao cháu Đặng Thị Kiều L và cháu Đặng Tiến L cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và ông P không cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét; Về nợ chung: Không có; Về án phí: Ông P phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn.

Tài liệu chứng cứ trong trong hồ sơ vụ án:

Giấy chứng nhận kết hôn.

Giấy khai sinh mang tên Đặng Tiến V, Đặng Thị Kiều L, Đặng Tiến L.

Chứng minh nhân dân mang tên Đặng Tiến P.

Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Đặng Tiến P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[1.2] Ông Đặng Tiến P yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị T. Yêu cầu của ông P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông P và bà T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Cam Phúc Bắc, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 56, quyển số 01/2001, cấp ngày 26/4/2001. Do đó, hôn nhân giữa ông P và bà T là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau nhưng đến năm 2009 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống, xảy ra xung đột, thiếu trách nhiệm vun đắp gia đình dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn chung sống với nhau đã lâu, không còn quan tâm nhau, ông P xác định tình cảm với bà T không còn nữa nên ông kiên quyết ly hôn bà Nguyễn Thị T.

Mặt khác, từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay, bà T không đến tòa để tham gia hòa giải, xét xử, trình bày ý kiến và không có biện pháp để cải thiện, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, điều đó chứng tỏ bà thờ ơ, bỏ mặc quan hệ hôn nhân giữa bà và ông P.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông P yêu cầu được ly hôn bà T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Cháu Đặng Tiến V đã đủ 18 tuổi nên ông không yêu cầu gì. Riêng cháu Đặng Thị Kiều L và cháu Đặng Tiến L, ông P yêu cầu giao cả hai cháu cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét: Việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Cháu Đặng Thị Kiều L và cháu Đặng Tiến L đang chung sống với bà T và có nguyện vọng tiếp tục được chung sống với bà T. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T không đến Tòa để trình bày yêu cầu về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy ông P yêu cầu giao cháu Đặng Thị Kiều L và cháu Đặng Tiến L cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và ông tạm thời không cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Vì lợi ích của con, ông P và bà T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Đặng Tiến P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về án phí: Ông Đặng Tiến P phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Tiến P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Tiến P được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Thị Kiều L, sinh ngày: 30/12/2001 và cháu Đặng Tiến L, sinh ngày: 14/02/2009 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Đặng Tiến P tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, ông P và bà T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung*: Ông Đặng Tiến P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Ông Đặng Tiến P nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về "ly hôn" nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông P đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000178 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Ông Đặng Tiến P đã nộp đủ.

Ông Đặng Tiến P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- UBND phường Cam Phúc Bắc
- Lưu hồ sơ, án văn

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đình Huy